

Số: 547 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 35/TTr-SNN ngày 26/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao Chi cục Kiểm lâm thực hiện nhiệm vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; **Giám đốc** Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (PVP).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Tiến Thiệu

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và
Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và nguyên tắc hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn (sau đây gọi chung là Quỹ) là một tổ chức tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập.

Quỹ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn, có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn.

3. Tên giao dịch quốc tế: Lang Son Forest Protection and Development Fund; tên viết tắt: Lang Son FPDF.

4. Trụ sở của Quỹ: Đặt tại Chi cục Kiểm lâm, số 18 đường Trần Hưng Đạo, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

2. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách Nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư.

3. Đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

Điều 4. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn.

2. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác.

3. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

4. Thực hiện việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ

1. Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách Nhà nước.

3. Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế.

4. Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải trả tiền ủy thác về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

5. Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí quản lý, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có khoán bảo vệ rừng.

6. Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

7. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ.

8. Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thu nộp, quản lý, sử dụng Quỹ với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

9. Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hình thức hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

10. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan.

11. Thực hiện việc tổ chức bộ máy, giữ mối quan hệ công tác với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam theo quy định tại Điều 77, Điều 78 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao theo quy định của pháp luật.

Chương III

NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.
2. Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
3. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.
4. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.
5. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.
6. Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Nội dung chi của Quỹ

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt các nội dung chi, các nội dung hỗ trợ hoạt động của Quỹ trong năm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, cụ thể như sau:

1. Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chi thực hiện các nhiệm vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác từ nguồn kinh phí gồm: Tiền dịch vụ môi trường rừng, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.
2. Chi tiền trồng rừng thay thế do chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định từ nguồn kinh phí trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
3. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án từ nguồn kinh phí được viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam, các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách Nhà nước.

Các nội dung chi hỗ trợ bao gồm: Hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép; tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững; thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới; hỗ trợ trồng cây phân tán; phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

4. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ từ nguồn kinh phí quản lý dịch vụ môi trường rừng, quản lý theo hợp đồng ủy thác, lãi tiền gửi, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; kinh phí quản lý được trích tối đa 10%

tổng số tiền dịch vụ môi trường thực thu trong năm để chi cho các hoạt động của bộ máy Quỹ.

Chương IV **QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN** **VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PHI DỰ ÁN ĐƯỢC QUỸ HỖ TRỢ**

Điều 8. Phương thức và nội dung hỗ trợ tài chính

1. Phương thức hỗ trợ:

Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

2. Các nội dung được hỗ trợ:

Chi hỗ trợ các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án với các nội dung chi như quy định tại khoản 3 Điều 7 của Điều lệ này.

Điều 9. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban điều hành Quỹ.

2. Trước ngày 25 tháng 02 hằng năm, Ban điều hành Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hỗ trợ biết để triển khai thực hiện.

4. Đối với nguồn thu hình thành từ nộp tiền trồng rừng thay thế, thời hạn tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 10. Lập kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, quyết toán

1. Hằng năm, Quỹ lập kế hoạch tài chính gồm: Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính khác; dự toán chi hoạt động của Quỹ thông qua Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hằng năm, Quỹ lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính kế toán hiện hành gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt báo cáo quyết toán của Quỹ.

Điều 11. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính

1. Thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để thực hiện công tác kế toán.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan.

3. Khuyến khích thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.
4. Thực hiện công khai tài chính theo quy định pháp luật về tài chính hiện hành; khuyến khích thực hiện đánh giá độc lập kết quả thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 12. Tổ chức bộ máy

1. Tổ chức bộ máy của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Ban điều hành Quỹ.
2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập, kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và Ban điều hành Quỹ.

Điều 13. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 người gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách lĩnh vực lâm nghiệp, các ủy viên gồm: Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chánh Thanh tra Sở và Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm.
2. Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.
3. Nhiệm kỳ của ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm; ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại theo quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chỉ đạo Ban Điều hành Quỹ thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính của Quỹ theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan.
2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.
3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát Quỹ.
5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn.
6. Thông qua kế hoạch kinh phí và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.
7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tham gia chứng kiến Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định.

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền huỷ bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ; chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu, báo cáo cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 6 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trường ban Kiểm soát Quỹ, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chủ tọa và chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số ủy viên của Hội đồng tham dự. Ủy viên Hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối

cùng, ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong Biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

8. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động theo quy chế của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 17. Tổ chức Ban Kiểm soát Quỹ

Ban Kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: Trưởng ban là Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các ủy viên là đại diện các phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt với nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

3. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và **trước** pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 19. Ban Điều hành Quỹ

Ban Điều hành Quỹ gồm:

- Giám đốc Quỹ do Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm,
- 01 Phó Giám đốc Quỹ do 01 lãnh đạo Chi cục kiểm lâm kiêm nhiệm,
- Bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ (Kế toán trưởng, cán bộ chuyên môn kỹ thuật, thủ quỹ,...) do các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ, công chức Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm; nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Quỹ phân công.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, do Giám đốc Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tổ tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hằng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua. Chuẩn bị các báo cáo, tài liệu cho tổ chức các cuộc họp sơ kết, tổng kết hoạt động hằng năm của Quỹ.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

d) Ban hành các quy định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ theo thẩm quyền quy định.

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc quỹ, Phó Giám đốc quỹ, các cán bộ chuyên môn nghiệp vụ.

f) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng Quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban Điều hành Quỹ và các tổ chức, các nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy

định mới của pháp luật khác với những điều, khoản trong Điều lệ này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Tiến Thiệu